

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRI TÔN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Lưu Thị Hùng

***- Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Châu Khon Sốc;

2. Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đặng Văn Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:*** Ông Châu Pho Ly, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án N dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 03 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Nguyễn Thị V, sinh năm 1989 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã L, huyện TT, tỉnh A;

***2. Bị đơn:*** Đỗ N, sinh năm 1989 (xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp V, xã L, huyện TT, tỉnh A.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo nội dung đơn ly hôn ngày 03/3/2022, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Thị V trình bày:*

Hôn N giữa bà V và ông N không có thời gian quan hệ quen biết tự nguyện tìm hiểu nhau về mà do mai mối, cha mẹ định đoạt, tổ chức lễ cưới về chung sống từ năm 2005 đến ngày 11/3/2013 bà V và ông N tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban N dân xã Lạc Quới, huyện Tri Tôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến

năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nguyên N do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn phù hợp, ông N không còn chăm lo phụ tiếp kinh tế gia đình, thiếu quan tâm vợ con. Bà V nhận thấy không còn tình cảm và kiên quyết xin ly hôn. Về con chung có 02 con chung tên Đỗ Vĩnh K, sinh ngày 25/5/2006 và Đỗ Đức V sinh ngày 06/3/2009 hiện bà V đang nuôi dưỡng, bà V yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông N cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn Đỗ N vắng mặt tại phiên tòa, theo ý kiến ghi nhận tại Bản tự khai ngày 18/7/2022 ông N trình bày:* Về quan hệ hôn N ông đồng ý ly hôn do không còn tình cảm. Về con chung đồng ý giao 02 con chung Đỗ Vĩnh K, sinh ngày 25/5/2006 và Đỗ Đức V sinh ngày 06/3/2009 cho bà V nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết. Do ông N bận làm ăn xa nên xin vắng mặt các phiên triệu tập hòa giải, xét xử của Tòa án (theo đơn xin vắng mặt phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải xét xử của Tòa án ngày 18/7/2022).

Do bị đơn vắng mặt, Tòa án không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến:

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự đã chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa. Nhận thấy nguyên đơn và bị đơn chung sống có đăng ký kết hôn hợp pháp vào năm 2013, do mâu thuẫn trong đời sống hôn N bà V và ông N đã ly thân từ năm 2020 cho đến nay, bà V xin ly hôn, ông N đồng ý ly hôn; về con chung có 02 con chung tên Đỗ Vĩnh K, sinh ngày 25/5/2006 và Đỗ Đức V sinh ngày 06/3/2009, bà V đang nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng, ông N đồng ý giao con chung cho bà V nuôi dưỡng và không cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung không có, xét các yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 03 tháng 3 năm 2022 bà Nguyễn Thị V có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Đỗ N và yêu cầu được quyền nuôi con, ông N cư trú tại ấp V, xã L, huyện TT, tỉnh A. Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo

quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Đỗ N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập lên làm việc nhưng nhiều lần vắng mặt và có đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt. Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Hôn nhân giữa bà V và ông N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lạc Quới, huyện Tri Tôn vào năm 2013 là quan hệ hôn N có giá trị pháp lý. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, bà V và ông N đã ly thân từ năm 2020 đến nay chưa về chung sống lại.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn N giữa bà V và ông N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn N và gia đình. Do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng không thể hàn gắn được, bà V yêu cầu được ly hôn với ông N. Xét thấy, mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng giữa bà V và ông N trầm trọng dẫn đến ly thân từ năm 2020 đến nay chưa về chung sống lại mà bỏ mặc nhau tự sống. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, chưa có sự cảm thông, chia sẻ quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và ông N không phụ làm kinh tế chăm lo cho vợ con, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt đến mức độ không thể hàn gắn được, điều này phù hợp với kết quả biên bản xác minh ngày 30/6/2022.

Tình trạng hôn nhân giữa bà V và ông N có kéo dài cũng không thể hạnh phúc, mục đích hôn N không thể đạt được, bà V yêu cầu ly hôn được ông N đồng thuận, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V được ly hôn với ông N là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà V và ông N có 02 con chung tên Đỗ Vĩnh K, sinh ngày 25/5/2006 và Đỗ Đức V sinh ngày 06/3/2009 hiện bà V đang nuôi dưỡng, bà V yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ kết quả xác minh ngày 30/6/2022, Hội đồng xét xử nhận thấy, bà V có công việc ổn định, có kinh tế thu nhập ở mức từ 200.000 đồng đến 250.000 đồng/ngày đủ điều kiện đảm bảo thời gian chăm sóc, nuôi dạy, giáo dục con chung, các con chung đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ, ông N lại không có yêu cầu nuôi dưỡng con chung, việc giao con chung cho bà V tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà V và ông N xác định không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí:

Bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí hôn N sơ thẩm theo mức án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị V. Bà Nguyễn Thị V được ly hôn với ông Đỗ N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 11/3/2013 của Ủy ban nhân dân xã Lạc Quới, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị V được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên Đỗ Vĩnh K, sinh ngày 25/5/2006 và Đỗ Đức V sinh ngày 06/3/2009. Ông Đỗ N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Đỗ Vĩnh K, Đỗ Đức V được sống chung với bà V, tôn trọng quyền được trực tiếp nuôi con chung của bà V.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, bà V cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Trường hợp ông N lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của ông N.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá N, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con trên cơ sở vì lợi ích của con chung.

Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008230 ngày 07-3-2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Bà Nguyễn Thị V đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- UBND xã Lạc Quới;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Thị Hùng**

